

1. HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU
ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT

Mục phía trên bên trái hồ sơ ĐKDT ghi rõ tên Sở và mã sở theo quy định của Bộ GDĐT.

SỞ GDĐT **HÀ NỘI** MÃ SỞ:

0	1
----------	----------

Mục 1: Họ, chữ đệm và tên của thí sinh: Viết chữ in hoa có dấu

Mục 2: Ngày tháng và 02 số cuối năm sinh: Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu

Mục 3: Nơi sinh

a) Nơi sinh của thí sinh chỉ cần **chọn** tên tỉnh hoặc thành phố thuộc TW **theo Giấy khai sinh**, nếu sinh ở nước ngoài thí sinh chỉ cần ghi rõ tên quốc gia theo tiếng Việt Nam,
ví dụ: Hà Nội, Hà Tây, Tp. Hồ Chí Minh, Đắk Lắk, Liên bang Nga, U-crai-na, Thừa Thiên-Huế, Ô-xtrây-Li-A, Đắk Nông, Bắc Kạn....

- Trường hợp sinh ở nước ngoài, chọn mục **Khác** và nhập tên nước

- Trường hợp nơi sinh **Hà Tây**, chọn mục **Khác** và nhập **Hà Tây**

1.	ÂN ĐỘ	8.	CHDCND LÀO	15.	NHẬT BẢN
2.	BA LAN	9.	CHLB ĐỨC	16.	Ô-XTRÂY-LIA
3.	CH AN-GÔ-LA	10.	HÀ LAN	17.	RU-MA-NI
4.	CH BÊ-LA-RÚT	11.	HÀN QUỐC	18.	TRUNG QUỐC
5.	CH BUN-GA-RI	12.	HOA KỲ	19.	U-CRAI-NA
6.	CH PHÁP	13.	HUNG-GA-RI	20.	VƯƠNG QUỐC ANH
7.	CH SÉC	14.	LIÊN BANG NGÀ	21.	VƯƠNG QUỐC BỈ

b) Dân tộc ghi đúng theo **giấy khai sinh**.

c) Quốc tịch nước ngoài thì đánh dấu (X) vào ô bên cạnh.

Mục 4: Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân

- Đối với CMND cũ, ghi 9 chữ số vào 9 ô cuối bên phải, **ba ô đầu để trống**
- Đối với CCCD/CMND mới ghi đủ 12 chữ số vào các ô tương ứng.

Mục 5: Nơi thường trú

- Các Thí sinh có nơi thường trú thuộc **Khu vực 1**: (Mục c, khoản 4, Điều 7 Quy chế tuyển sinh; QĐ 681/TTg):

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

STT	Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Quận/Huyện	Tên Quận/Huyện	Mã Xã/Phường	Tên Xã/Phường	Loại Xã/Phường	Văn bản quy định
1	24	Hà Nội	17	Huyện Ba Vì	05	Xã Tân Lĩnh	Khó khăn	861/QĐ-TTg
2	24	Hà Nội	17	Huyện Ba Vì	08	Xã Ba Trại	Khó khăn	861/QĐ-TTg
3	24	Hà Nội	17	Huyện Ba Vì	09	Xã Ba Vì	Khó khăn	861/QĐ-TTg
4	24	Hà Nội	17	Huyện Ba Vì	10	Xã Khánh Thượng	Khó khăn	861/QĐ-TTg
5	24	Hà Nội	17	Huyện Ba Vì	11	Xã Minh Quang	Khó khăn	861/QĐ-TTg
6	24	Hà Nội	17	Huyện Ba Vì	12	Xã Vân Hòa	Khó khăn	861/QĐ-TTg
7	24	Hà Nội	17	Huyện Ba Vì	13	Xã Yên Bài	Khó khăn	861/QĐ-TTg
8	24	Hà Nội	19	Huyện Thạch Thất	01	Xã Tiến Xuân	Khó khăn	861/QĐ-TTg
9	24	Hà Nội	19	Huyện Thạch Thất	02	Xã Yên Bình	Khó khăn	861/QĐ-TTg
10	24	Hà Nội	19	Huyện Thạch Thất	03	Xã Yên Trung	Khó khăn	861/QĐ-TTg
11	24	Hà Nội	20	Huyện Quốc Oai	03	Xã Đông Xuân	Khó khăn	861/QĐ-TTg
12	24	Hà Nội	20	Huyện Quốc Oai	04	Xã Phú Mãn	Khó khăn	861/QĐ-TTg
13	24	Hà Nội	25	Huyện Mỹ Đức	02	Xã An Phú	Khó khăn	861/QĐ-TTg

- + Ghi đầy đủ **Mã tỉnh** (thành phố), **mã huyện** (quận) và **mã xã** (phường)
- + Danh mục **Mã tỉnh** (thành phố), **mã huyện** (quận) và **mã xã** (phường) Sở GDĐT sẽ gửi tới các đơn vị.

Ví dụ : thí sinh có nơi thường trú ở xã Ba Trại, Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thuộc KV1

0 1

1 7

0 8

Nơi thường trú:

- **Các Thí sinh không có nơi thường trú tại xã Khu vực 1:** thì bỏ trống ô mã xã Ghi đầy đủ **Mã tỉnh** (thành phố), **mã huyện** (quận)

Ví dụ: thí sinh có nơi thường trú ở phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Nơi thường trú

0	1
---	---

0	4
---	---

--	--

- Đối với thí sinh thuộc diện ưu tiên đối tượng (quy định tại khoản 1, Điều 7 Quy chế tuyển sinh) hoặc khu vực (quy định tại khoản 4, Điều 7 Quy chế tuyển sinh) có liên quan đến nơi thường trú, cần khẳng định thời gian có thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1 hoặc trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn trong thời gian học THPT bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng.

DANH MỤC MÃ QUẬN/ HUYỆN

STT	Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Quận/Huyện	Tên Quận/Huyện	Khu vực
1	01	Hà Nội	01	Quận Ba Đình	Khu vực 3
2	01	Hà Nội	02	Quận Hoàn Kiếm	Khu vực 3
3	01	Hà Nội	03	Quận Hai Bà Trưng	Khu vực 3
4	01	Hà Nội	04	Quận Đống Đa	Khu vực 3
5	01	Hà Nội	05	Quận Tây Hồ	Khu vực 3
6	01	Hà Nội	06	Quận Cầu Giấy	Khu vực 3
7	01	Hà Nội	07	Quận Thanh Xuân	Khu vực 3
8	01	Hà Nội	08	Quận Hoàng Mai	Khu vực 3
9	01	Hà Nội	09	Quận Long Biên	Khu vực 3
10	01	Hà Nội	10	Quận Bắc Từ Liêm	Khu vực 3
11	01	Hà Nội	11	Huyện Thanh Trì	Khu vực 2
12	01	Hà Nội	12	Huyện Gia Lâm	Khu vực 2
13	01	Hà Nội	13	Huyện Đông Anh	Khu vực 2
14	01	Hà Nội	14	Huyện Sóc Sơn	Khu vực 2
15	01	Hà Nội	15	Quận Hà Đông	Khu vực 3
16	01	Hà Nội	16	Thị xã Sơn Tây	Khu vực 2
17	01	Hà Nội	17	Huyện Ba Vì	Khu vực 2
18	01	Hà Nội	18	Huyện Phúc Thọ	Khu vực 2
19	01	Hà Nội	19	Huyện Thạch Thất	Khu vực 2
20	01	Hà Nội	20	Huyện Quốc Oai	Khu vực 2
21	01	Hà Nội	21	Huyện Chương Mỹ	Khu vực 2
22	01	Hà Nội	22	Huyện Đan Phượng	Khu vực 2
23	01	Hà Nội	23	Huyện Hoài Đức	Khu vực 2
24	01	Hà Nội	24	Huyện Thanh Oai	Khu vực 2
25	01	Hà Nội	25	Huyện Mỹ Đức	Khu vực 2
26	01	Hà Nội	26	Huyện Ứng Hòa	Khu vực 2
27	01	Hà Nội	27	Huyện Thường Tín	Khu vực 2
28	01	Hà Nội	28	Huyện Phú Xuyên	Khu vực 2
29	01	Hà Nội	29	Huyện Mê Linh	Khu vực 2
30	01	Hà Nội	30	Quận Nam Từ Liêm	Khu vực 3

Mục 6: Nơi học sinh học THPT hoặc tương đương

- Ghi **tên trường** và **địa chỉ nơi trường đóng**: huyện (quận), tỉnh (thành phố) của trường (VD : THPT Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội)
- Ghi **mã tỉnh** nơi trường đóng vào 2 ô đầu, **ghi mã trường** vào 3 ô tiếp theo
- Đối với **thí sinh là công an, quân nhân** được cử tham gia dự thi để xét tuyển ĐH, CĐ thì ghi **mã tỉnh** tương ứng với **tỉnh nơi đóng quân** và **mã trường THPT** là **900**.
- Đối với **thí sinh có thời gian học ở nước ngoài** thì những năm học ở nước ngoài ghi **mã tỉnh** tương ứng với tỉnh **theo thường trú tại Việt Nam** và mã trường THPT là **800**.
- Mục tên lớp: ghi rõ tên lớp 12 nơi học sinh đang học (ví dụ 12A1, 12A2,...), đối với học sinh là thí sinh tự do ghi “TDO”.
- Đối với các trường THPT **do thay đổi địa giới hành chính, chuyển địa điểm hoặc thay đổi cấp hành chính**, chính sách dẫn đến **thay đổi mức ưu tiên khu vực** thì mỗi giai đoạn hưởng mức ưu tiên khác nhau, trường sẽ được gán một mã trường khác nhau cùng với một mức ưu tiên khu vực phù hợp. **Thí sinh căn cứ thời gian học tập tại trường THPT** chọn và điền đúng mã trường theo các giai đoạn để được hưởng đúng mức ưu tiên theo khu vực.

Mã Trường	Tên Trường	Địa Chỉ	Khu Vực
133	THPT Minh Hà	Thôn 4, Xã Lam Sơn, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Khu vực 2
314	PT Võ thuật Bảo Long	Số 447 đường đê Thiên Đức, xã Thiên Đức, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Khu vực 2
315	THPT Lê Hồng Phong	Số 69 phố Tố Hữu, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, TP Hà Nội	Khu vực 3
316	TH, THCS và THPT SenTia	Số 19 Tố Hữu, Khu đô thị Phùng Khoang, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Khu vực 3
008	THPT chuyên Chu Văn An	Số 10 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội	Khu vực 3
152	THPT Chu Văn An (trước 01/2025)	Số 10 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội	Khu vực 3
122	THPT Khoa học Giáo dục	Nhà HT2, Khu Đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội, Xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Khu vực 2
154	THPT Khoa học Giáo dục (trước 01/2025)	Phố Kiều Mai, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	Khu vực 3
079	THPT chuyên Sơn Tây	Số 57 đường Đền Và, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội	Khu vực 2
153	THPT Sơn Tây (trước 01/2025)	Số 57 đường Đền Và, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội	Khu vực 2

Sở GDĐT sẽ gửi Danh mục mã trường tới các đơn vị

Mục 7: Điện thoại, Email thí sinh

Ghi **chính xác** điện thoại, email của thí sinh để được cấp **mật khẩu** sử dụng một lần (OTP) qua tin nhắn đảm bảo cho sự bảo mật khi đăng ký xét tuyển trực tuyến.

Mục 8: Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ

Thí sinh phải ghi **chính xác** thông tin của người liên hệ: họ tên; số điện thoại; địa chỉ xóm (số nhà), thôn (đường phố, ngõ ngách), xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố để nhận Giấy báo trúng tuyển khi thí sinh trúng tuyển.

Mục 9: Thí sinh học theo chương trình nào (GDPT hoặc GDTX) thì tích vào ô chương trình đó

Mục 10:

Tích (x) vào ô thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT nếu là người đã học xong chương trình cấp THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp ở những năm trước

Tích (x) vào ô thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT nếu là người đã có bằng tốt nghiệp THPT, có bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh

Mục 11:

Dự thi tại Hội đồng thi: **Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội** Mã Hội đồng thi

0	1
----------	----------

Mục 12: Nơi ĐKDT: Ghi tên đơn vị (ví dụ: Trường THPT Phan Đình Phùng)

Mã đơn vị ĐKDT: Ghi mã đơn vị (ví dụ: 066)

Đối tượng	Dự thi theo chương trình GDPT	Nơi đăng ký dự thi
1. Thí sinh hoàn thành chương trình chương trình GDPT năm học 2024-2025	2018	Tại trường, trung tâm nơi học lớp 12
2. Thí sinh tự do chưa tốt nghiệp Thí sinh tự do đã có bằng tốt nghiệp THPT, đã có bằng trung cấp	2006	Tại 06 Trường THPT do Sở GDĐT quy định
3. Thí sinh tự do đã có bằng tốt nghiệp THPT, đã có bằng trung cấp	2018	-Tại Phòng GDĐT nơi thí sinh cư trú

Danh sách các trường THPT tiếp nhận thí sinh đăng ký dự thi chương trình 2006

STT	Mã ĐTN(*)	Tên ĐTN(*)	Tên đăng nhập(*)
1	601	THPT chuyên Chu Văn An	đtn_01_601
2	602	THPT chuyên Nguyễn Huệ	đtn_01_602
3	603	THPT Liên Hà	đtn_01_603
4	604	THPT Nguyễn Trãi-Thường Tín	đtn_01_604
5	605	THPT chuyên Sơn Tây	đtn_01_605
6	606	THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân	đtn_01_606

Mục 13: Đăng ký môn thi

Đối với thí sinh hoàn thành chương trình THPT năm 2024-2025 thi theo chương trình GDPT 2018

Thí sinh phải đăng ký dự thi môn Ngữ văn, môn Toán và 01 bài thi tự chọn gồm 02 môn thi trong số các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học, Công nghệ Công nghiệp, Công nghệ Nông nghiệp, Ngoại ngữ. Thí sinh chọn 02 môn thi của bài thi tự chọn trong số các môn đã được học ở lớp 12. Thí sinh được ĐKDT môn Ngoại ngữ khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông;

Đối với thí sinh tự do đã có bằng tốt nghiệp THPT, bằng tốt nghiệp trung cấp

Đăng ký môn thi theo nguyện vọng. Riêng đối với bài thi tự chọn, thí sinh chỉ được chọn tối đa 02 môn thi.

Mục 14: Đăng ký miễn thi ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT hoặc đăng ký xét tuyển sinh (Điều 35, Quy chế thi)

1. Đối tượng miễn thi ngoại ngữ

2. Cách ghi trên phiếu ĐKDT

Ghi loại chứng chỉ : **TOEFL ITP**

Ghi Điểm thi (nếu chứng chỉ có điểm thi vào ô):

450

Lưu ý: Thí sinh phải có chứng chỉ chậm nhất ngày 25/6, Trong thời gian ĐKDT, khi đăng ký miễn bài thi ngoại ngữ thí sinh phải tải minh chứng (chứng chỉ ngoại ngữ) lên hệ thống.

Mục 16: Đăng ký bài thi/ môn thi xin bảo lưu để xét CNTN (chỉ dành cho HS dự thi với đề thi theo chương trình 2006)

1. Điều kiện

- Thí sinh dự thi đủ các bài thi/môn thi quy định trong kỳ thi năm 2023 nhưng chưa tốt nghiệp THPT và không bị kỷ luật hủy kết quả thi.
- Được bảo lưu điểm thi của các bài thi /môn thi gồm:
 - a) Bài thi độc lập đạt từ 5,0 (năm) điểm trở lên;
 - b) Bài thi tổ hợp đạt từ 5,0 (năm) điểm trở lên và các môn thi thành phần của bài thi này đều đạt trên 1,0 (một) điểm;
 - c) Môn thi thành phần của bài thi tổ hợp đạt từ 5,0 (năm) điểm trở lên.
- Đối với những bài thi/môn thi được bảo lưu để xét CNTN, thí sinh vẫn có thể đăng ký dự thi (bài thi hoặc môn thi thành phần) ở **Mục 14** trong

trường hợp có nguyện vọng sử dụng kết quả thi xét tuyển sinh đại học, cao đẳng.

2. *Cách ghi trên phiếu ĐKDT*

- Ghi rõ điểm bài thi/ môn thi xin được bảo lưu vào các ô tương ứng.
- Đối với bài thi tổ hợp để bảo lưu điểm toàn bài của bài thi tổ hợp nào, thí sinh phải ghi điểm của tất cả các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp đó.

2. HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

I. DIỆN ƯU TIÊN XÉT TỐT NGHIỆP THPT

Thí sinh thuộc một trong các diện:

1. Diện 1: Không được cộng điểm ưu tiên.

Còn gọi là diện bình thường.

Ký hiệu: D1

2. Diện 2: Cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động dưới 81% (chỉ với GDTX); Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động.

Ký hiệu: D2-TB2

- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động, con Bà mẹ VN anh hùng.

Ký hiệu: D2-CAH

- Người dân tộc thiểu số.

Ký hiệu: D2-TS2

- **Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có nơi thường trú trong thời gian học cấp THPT từ 03 năm trở lên (tính đến ngày thi) ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; ở xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT.**

Ký hiệu: D2-VS2

- Người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hóa học.

Ký hiệu: D2-CHH

- Có tuổi đời từ 35 tuổi trở lên, tính đến ngày thi (đối với thí sinh GDTX).

Ký hiệu: D2-T35

3. Diện 3: Cộng 0,5 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- **Người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học cấp THPT từ 03 năm trở lên ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135 Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc, học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận của các thành phố trực thuộc Trung ương.**

Ký hiệu: D3-TS3

- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (đối với GDTX).

Ký hiệu: D3-TB3

- Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

Ký hiệu: D3-CLS

* *Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên thì chỉ hưởng theo tiêu chuẩn cao nhất.*

II. ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH

1. Đạt giải cá nhân kỳ thi học sinh giỏi bộ môn văn hoá lớp 12:

- Giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: **2,0 điểm.**
- Giải khuyến khích cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh: **1,5 điểm.**
- Giải ba cấp tỉnh: **1,0 điểm.**

2. Đạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lí, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT:

- Giải nhất, nhì, ba quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: **2,0 điểm.**
- Giải khuyến khích quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh hoặc giải tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia hoặc Huy chương Bạc: **1,5 điểm.**
- Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng: **1,0 điểm.**

** Giải đồng đội chỉ tính cho giải quốc gia, mức điểm cộng thêm giống như giải cá nhân.*

** Học sinh đạt nhiều giải khác nhau thì chỉ được hưởng mức cộng điểm của giải cao nhất.*

III. LƯU Ý: Thí sinh tự do tại Mục 6 là thí sinh thuộc điểm b khoản 1 Điều 12 Quy chế thi; Mục 7 trên phiếu đăng ký chỉ dành cho thí sinh là học sinh đang học lớp 12 trong năm tổ chức thi, “Mã số định danh trên CSDL toàn ngành” do các trường phổ thông cung cấp

3.HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐH, CD

Sở GDĐT sẽ gửi tới các đơn vị Công văn hướng dẫn của Bộ GDĐT , của Sở GDĐT về kế hoạch về công tác tuyển sinh trình độ Đại Học, trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm Non trong thời gian tới;

Trong thời gian đăng ký dự thi từ ngày 21/4 đến 17h ngày 28/4, các đơn vị ĐKDT hướng dẫn thí sinh thuộc diện ưu tiên trong tuyển sinh đại học nhập minh chứng lên hệ thống, gợi ý minh chứng theo phụ lục VIII Công văn 1239 của Bộ GDĐT;

Đơn vị ĐKDT có trách nhiệm kiểm tra xác nhận về ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng của thí sinh. **Hoàn thành chậm nhất 09/5/2025**
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục VIII

CÁC MINH CHỨNG ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU TIÊN KHU VỰC, ƯU TIÊN ĐỐI TƯỢNG TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC; TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON¹

*(Kèm theo Công văn số 1239 /BGDDT-QLCL ngày 24 /03 /2025
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
I	Ưu tiên khu vực	
I.1	Theo khu vực của trường phổ thông	Thí sinh khai báo năm học lớp 10, 11, 12 trên Hệ thống. Hệ thống tự tính khu vực ưu tiên.
I.2	Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn. (Điểm c, khoản 1, Điều 7 Quy chế tuyển sinh hiện hành).	Thí sinh khai báo thời gian trên Hệ thống.
II	Ưu tiên đối tượng (Phụ lục Quy chế tuyển sinh hiện hành)	
II.1	Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực	Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền.

¹ Các minh chứng khác nếu đúng với quy định của pháp luật.

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	1.	
II.2	Đối tượng 02: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.	Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và Bằng khen hoặc Quyết định công nhận là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.
II.3	Đối tượng 03: a) Thương binh, bệnh binh, người có Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.	a) Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh; Giấy chứng nhận hưởng chính sách như thương binh. b), c) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học từ cấp Trung đoàn (hoặc tương đương trở lên) trở lên hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận. d) Quyết định xuất ngũ.
II.4	Đối tượng 04: a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.	a) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy báo tử hoặc Bản sao Bằng “Tổ quốc ghi công”; Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP); Quyết định cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp tiền tuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nếu có). b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; hoặc Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh có tỉ lệ mất sức lao động 81% trở lên do Phòng Lao động thương binh xã hội cấp. c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp. d) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định công nhận Anh hùng lực lượng vũ trang hoặc Quyết định công nhận Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
		đ) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định trợ cấp hàng tháng (do sở LĐ TBXH cấp) của con người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học.
II.5	Đối tượng 05: a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.	a) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học. b) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học từ cấp Trung đoàn (hoặc tương đương trở lên) trở lên hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận. c) Văn bản bổ nhiệm và Quyết định xuất ngũ.
II.6	Đối tượng 06: a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.	a) Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền. b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận bệnh binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp. c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.
II.7	Đối tượng 07: a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do	a) Giấy xác nhận "Khuyết tật nặng" của UBND xã/phường/thị trấn nơi thí sinh thường trú cấp.

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.	b) Bản sao danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân cấp tỉnh, cấp bộ trở lên; hoặc Bằng lao động sáng tạo (có quyết định kèm theo). c) Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng. d) Bản sao văn bằng trung cấp Dược; Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng.